

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 242/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1488/TTr-SKHHCN ngày 28/11/2025 dự thảo Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và ý kiến thống nhất của thành viên UBND thành phố;

UBND thành phố ban hành Quyết định Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các phường, xã, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HỖND thành phố;
- BTV ĐU UBND thành phố;
- CT, các Phó CT UBND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- UBMTTQVN và các TC CTXH thành phố;
- Công an thành phố;
- Sở, ban, ngành;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- BCHQS thành phố, BCH BDBP thành phố;
- Báo&PTTH ĐN, Công TTĐT thành phố;
- Công báo thành phố;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu: VT, SKHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

duanlv2-17/04/2026 18:27:22-duanlv2-duanlv2

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày....tháng...năm 2025
của Ủy ban dân thành phố Đà Nẵng)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết về công nhận sáng kiến và tổ chức xét công nhận sáng kiến; quản lý nhà nước về sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN).

2. Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến (sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP) và Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Sáng kiến” là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó.

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực.

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ theo quy định tại khoản 2, Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ban hành

Điều lệ Sáng kiến.

2. “Cơ sở” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

3. “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

4. “Chuyên giao sáng kiến” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyên giao có thể áp dụng sáng kiến.

5. “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.

6. “Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến đó.

Điều 4. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến gồm: giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật được quy định tại Điều 3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, cụ thể như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: vật thể (như: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện...); chất (như: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm...); vật liệu sinh học (như: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen...); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi.

Sản phẩm dưới dạng thiết bị được thể hiện như thay thế một bộ phận trong một thiết bị, máy móc: thay dây cưa – roa bằng bánh răng mà thiết bị hoạt động hiệu quả hơn,...

b) Quy trình (như: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

Quy trình công nghệ như quy trình sản xuất chế phẩm phân hữu cơ vi sinh, chế phẩm xử lý môi trường,...

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (như: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu, con người, nhà xưởng...).

Phương pháp tổ chức công việc được thể hiện như lập trạm rửa xe trong bệnh viện: Sử dụng đất dư của bệnh viện, sử dụng nhân sự bảo vệ không thuộc ca làm

việc, tiết kiệm thời gian, chi phí rửa xe cứu thương, xe công của bệnh viện và xe của cán bộ bệnh viện,...

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

Phương pháp điều hành được hiểu như việc tổ chức điều hành triển khai các dự án, công trình xây dựng, các chương trình phát triển kinh tế xã hội địa phương,...

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (như: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu...).

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá.

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện.

d) Phương pháp huấn luyện động vật...

Giải pháp tác nghiệp là phương pháp tuyên truyền được thể hiện như áp dụng tuyên truyền phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ tới học sinh tiểu học thông qua hình thức chiếu phim hoạt hình,...

4. Giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật được thể hiện như áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào công việc,...

Điều 5. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được công nhận nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi một cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực (hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội, hiệu quả trong thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ) theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

c) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2) Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Điều 6. Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến

Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến được quy định tại Điều 2 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN; cụ thể như sau:

Cơ sở có quyền và trách nhiệm xét sáng kiến gồm:

1. Có tư cách pháp nhân: được thành lập hợp pháp; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản

của mình; Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

3. Các đơn vị có con dấu và tài khoản riêng, hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ.

Điều 7. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm xét công nhận sáng kiến khi có yêu cầu công nhận của cá nhân thuộc cơ sở mình quản lý.

2. Việc xét công nhận sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất và động viên được mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến.

3. Sáng kiến sao chép của tác giả khác, sao chép từ các nguồn tài liệu đã được công bố trên các trang tin điện tử hoặc sáng kiến xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nếu bị phát hiện thì kết quả công nhận sẽ bị hủy bỏ.

Điều 8. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

1. Cách xác định tác giả, đồng tác giả sáng kiến

Tác giả sáng kiến, đồng tác giả sáng kiến quy định tại khoản 5, Điều 2 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP; cụ thể như sau:

a) Tác giả sáng kiến là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình.

b) Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến và không khống chế tỷ lệ phần trăm nhưng phải chứng minh được việc đóng góp trí tuệ của mình trong giải pháp sáng kiến tạo ra.

c) Những người chỉ tham gia hỗ trợ, giúp việc cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến (như: Hỗ trợ tính toán, gia công, tìm thông tin tư liệu, đánh máy,...).

2. Sáng kiến có đồng tác giả thuộc nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau thì việc đề nghị xét, công nhận sáng kiến phải có ý kiến thống nhất của các đồng tác giả về việc nộp đơn (hoặc từ bỏ quyền tác giả) đối với sáng kiến; đồng thời phải có xác nhận của cơ quan nơi tác giả đang công tác về việc tác giả tham gia thực hiện sáng kiến.

3. Cơ sở tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, xác minh những người khai nhận là tác giả, đồng tác giả sáng kiến; trường hợp kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy đủ cơ sở kết luận những người nộp đơn không đúng đối tượng là tác giả, đồng tác giả sáng kiến thì cơ sở có quyền từ chối chấp nhận đơn.

Chương II

CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 9. Công nhận sáng kiến

1. Yêu cầu công nhận sáng kiến: Thực hiện theo khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả, đồng tác giả tự nguyện thực hiện, không bắt buộc phải đăng ký sáng kiến ngay từ đầu năm dương lịch hoặc đầu năm học đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến: Thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN, cụ thể:

Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn.

Đơn yêu cầu công nhận kèm theo tài liệu chứng minh sáng kiến đã áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực tại cơ sở (văn bản triển khai, báo cáo thể hiện hiệu quả sáng kiến, văn bản phối hợp, hình ảnh, sản phẩm/mô hình giảng dạy,...).

Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và tác giả sáng kiến chính là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thì tài liệu kèm theo phải có thêm văn bản về việc chấp thuận công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền.

3. Tiếp nhận, xem xét đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 18/2013/TT – BKHCN.

4. Xét công nhận sáng kiến

Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cụ thể:

a) Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hợp lệ. Trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả hoặc có tố cáo, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả được biết về việc này.

b) Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến có thể thành lập Hội đồng

sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

c) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định; nội dung này được quy định cụ thể tại Điều 11 Quy định này.

d) Đầu mối tham mưu xét công nhận sáng kiến thực hiện tổng hợp, phân loại, rà soát, kiểm tra sơ bộ đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và trả lời tác giả, đồng tác giả sáng kiến về tính hợp lệ/không hợp lệ của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và tham mưu người đứng đầu văn bản trả lời cho tác giả và đồng tác giả sáng kiến.

Đầu mối tham mưu xét công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở quyết định. Nhiệm vụ của đầu mối tham mưu xét công nhận sáng kiến là tham mưu các hoạt động liên quan đến công nhận sáng kiến cho người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

Đầu mối tham mưu xét công nhận sáng kiến trình người đứng đầu cơ sở toàn bộ kết quả rà soát, thẩm định sáng kiến hoặc kết quả đánh giá sáng kiến của Hội đồng sáng kiến (trường hợp thành lập Hội đồng sáng kiến). Trên cơ sở đó, người đứng đầu cơ sở quyết định công nhận sáng kiến cho tác giả, đồng tác giả sáng kiến hoặc từ chối công nhận sáng kiến.

đ) Sáng kiến được đánh giá đạt điều kiện công nhận được cấp Quyết định công nhận sáng kiến kèm theo Giấy chứng nhận sáng kiến cho từng tác giả và đồng tác giả. Giấy chứng nhận sáng kiến phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 2, Điều 7 Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

e) Cơ sở công nhận sáng kiến có trách nhiệm công bố, đăng tải kết quả công nhận sáng kiến trên cổng, trang thông tin điện tử của đơn vị.

g) Đối với những sáng kiến không đạt, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tác giả, đồng tác giả được biết và phải nêu rõ lý do.

5. Hủy bỏ công nhận sáng kiến

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền hủy bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3, Điều 9 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và cụ thể như sau:

a) Người đứng đầu cơ sở quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp đầy đủ tài liệu minh chứng người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến; sáng kiến được công nhận không đáp ứng điều kiện về tính mới, không có khả năng mang lại lợi ích thiết thực và xâm phạm quyền Sở hữu trí tuệ.

b) Người đứng đầu cơ sở quyết định tổ chức họp Hội đồng sáng kiến để xem

xét quyết định huỷ bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp có tranh chấp, kiện cáo giữa các bên về kết quả công nhận sáng kiến; cần có ý kiến chuyên gia, chuyên ngành để khẳng định sáng kiến không đáp ứng điều kiện về tính mới và điều kiện về khả năng mang lại lợi ích thiết thực, có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

c) Cuộc họp của Hội đồng sáng kiến cơ sở phải mời các cá nhân, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và tác giả, đồng tác giả dự họp để giải trình và thống nhất phương án xử lý và phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của những người dự họp và kết luận của Hội đồng.

d) Khi quyết định huỷ bỏ kết quả công nhận sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải thu hồi và huỷ bỏ Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận sáng kiến đã cấp cho tác giả; thu hồi lại các khoản thù lao đã trả cho tác giả và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có); thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi, huỷ bỏ các chế độ, quyền lợi mà tác giả được hưởng từ sáng kiến đó.

Điều 10. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến

a) Theo Điều 8 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, thành phần Hội đồng sáng kiến gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức công đoàn nơi tác giả là đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo Quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến. Các chuyên gia không phải là người trực tiếp tham gia tạo ra sáng kiến hoặc có lợi ích liên quan.

b) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến..

2. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Hội đồng sáng kiến làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, khoa học, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp của hoạt động tư vấn đánh giá sáng kiến. Các thành viên Hội đồng sáng kiến thảo luận công khai về nội dung được giao tư vấn.

b) Các thành viên Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ nghiên cứu, thảo luận, xem xét, đánh giá nội dung sáng kiến theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về ý kiến tư vấn của mình; giữ bí mật về các thông tin nhận được trong quá trình hoạt động tư vấn và đảm bảo các quy định khác theo pháp luật hiện hành. Ý kiến và kiến nghị của các thành viên Hội đồng sáng kiến được thể hiện trên Phiếu nhận xét, đánh giá sáng kiến.

c) Phiên họp của Hội đồng sáng kiến chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng sáng kiến tham dự, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch

được ủy quyền. Ý kiến của thành viên Hội đồng sáng kiến vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo (nếu có).

d) Quyết định của Hội đồng sáng kiến được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng sáng kiến có mặt.

đ) Kết quả làm việc của Hội đồng sáng kiến được lập bằng văn bản, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên.

e) Hội đồng sáng kiến có quyền yêu cầu tác giả, đồng tác giả trực tiếp báo cáo sáng kiến hoặc tiến hành kiểm tra, thẩm định thực tế sáng kiến tại cơ sở nếu thấy cần thiết.

Điều 11. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư

Việc xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư được thực hiện theo Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng và được quy định cụ thể như sau:

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận và được hiểu như sau:

Như trường hợp cơ sở công nhận sáng kiến là UBND xã, phường, đặc khu, sau khi thực hiện thủ tục xét công nhận sáng kiến tại cơ sở, nếu sáng kiến được công nhận của người đứng đầu tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật thì phải thực hiện nộp hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND thành phố chấp thuận công nhận sáng kiến (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ).

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng nếu cơ sở đó có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

Trong hai cơ quan, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng - nơi cơ sở xét công nhận sáng kiến đóng trụ sở và cơ quan, tổ chức của Nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến, cơ quan nào nhận được (hoặc nhận được sớm hơn) hồ sơ theo quy định thì sẽ chủ trì xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến và có thể yêu cầu cơ quan còn lại phối hợp thực hiện.

2. Cách xác định sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật như sau:

a) “Tác giả/đồng tác giả sáng kiến” thuộc trường hợp xét chấp thuận việc công

nhận sáng kiến: là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thuộc Nhà nước đã trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính sức lao động và sáng tạo của mình, được ghi tên là tác giả/đồng tác giả trong Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và sáng kiến đó do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

b) “Đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật” là cung cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật hoặc kinh phí để nghiên cứu tạo ra, triển khai áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến.

c) “Sáng kiến đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại đơn vị cơ sở” nếu sáng kiến đã được triển khai áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu tại cơ sở xét công nhận sáng kiến thuộc Nhà nước thì được hiểu là Nhà nước cung cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật để tạo ra, áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu sáng kiến.

Điều 12. Xét công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố

1. Việc xét công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố được thực hiện theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định xét công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố Đà Nẵng.

2. Xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến tại cơ sở

Việc xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến tại cơ sở có thể tham khảo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND thành phố Quy định xét công nhận sáng kiến có tác dụng, ảnh hưởng đối với thành phố Đà Nẵng, để ban hành Quy chế tại cơ sở.

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP KHUYẾN KHÍCH HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến, tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và tại Điều 10, Điều 11 Thông tư 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 14. Phổ biến sáng kiến

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; UBND phường, xã, đặc khu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quy định tại Điều 14 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình; trực tiếp chỉ đạo triển khai phong trào thi đua về sáng kiến, áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, lấy kết quả thực hiện là tiêu chí cơ bản để xét thi đua khen thưởng hàng năm của tập thể và cá nhân trong cơ quan, đơn vị mình.

Điều 15. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các cơ quan, đơn vị; các phường, xã, đặc khu tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo, như:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

c) Tổ chức phát động phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị; tổ chức hội thảo, tọa đàm, câu lạc bộ nhằm chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay sáng tạo; công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp và các sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Những sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận, đưa vào áp dụng có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng rộng rãi và có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố sẽ được UBND thành phố ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện sáng kiến để phổ biến cho công chúng áp dụng theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 15 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

3. Cơ sở công nhận sáng kiến có thể áp dụng các biện pháp khuyến khích các tổ chức, đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến thông qua việc ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và các chế độ phúc lợi khác cho tác giả sáng kiến.

Điều 16. Chi phí cho hoạt động sáng kiến, các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

1. Nguồn kinh phí cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố từ các nguồn: ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác được áp dụng theo Điều 2 của Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến.

2. Nội dung và mức chi cho hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố thực hiện theo Nghị quyết số 242/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố.

3. Chi phí cho hoạt động sáng kiến trong đó có chi phí để tạo ra và áp dụng

sáng kiến, phổ biến sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và khoản 1 Điều 16 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

4. Chi phí cho hoạt động sáng kiến đối với các doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

5. Kinh phí thực hiện các hoạt động khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo được trích từ nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan, tổ chức và các nguồn tài trợ khác.

6. Đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng trên địa bàn thành phố thì tác giả sáng kiến và người đứng đầu đơn vị có sáng kiến có trách nhiệm cung cấp nội dung và lợi ích của sáng kiến cho các đơn vị khác trong thành phố áp dụng sáng kiến đó theo quy định hiện hành.

7. Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước đối với hoạt động sáng kiến thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 17. Phân công trách nhiệm

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này. Theo dõi, tổng hợp thực hiện và nghiên cứu tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp nếu có vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến trên địa bàn thành phố.

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo trên địa bàn thành phố.

d) Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố, Ủy ban mặt trận thành phố (Liên đoàn Lao động thành phố, Thành đoàn) và các Sở, Ban, ngành tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn thành phố.

đ) Tham mưu UBND thành phố quyết định chấp thuận đối với việc công nhận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất – kỹ thuật mà tác giả là người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước.

e) Xem xét, quyết định chấp thuận đối với việc công nhận sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất – kỹ thuật mà tác giả là người

đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước.

g) Hướng dẫn tác giả tiến hành thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các giải pháp sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

h) Hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp thông tin cho tác giả sáng kiến trong việc tạo ra, hoàn thiện và khai thác sáng kiến, hướng dẫn việc làm hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến trên cơ sở đề nghị của tác giả sáng kiến.

i) Định kỳ hằng năm, báo cáo UBND thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại địa phương.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; UBND xã, phường đặc khu trên địa bàn thành phố có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về sáng kiến tại cơ sở.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm phổ biến sáng kiến, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo tại cơ sở.

c) Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình công nhận, phổ biến và áp dụng sáng kiến tại cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục Quy định này) về Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các phường, xã, đặc khu và các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn thành phố rà soát các quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để phù hợp với Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA ĐƠN VỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày.....tháng ...năm 2025
của UBND thành phố Đà Nẵng)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP THúc ĐẨY HOẠT ĐỘNG
SÁNG KIẾN GIAI ĐOẠN TỪ ĐẾN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

I. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Kết quả hoạt động:

Kết quả triển khai các hoạt động khuyến khích phong trào sáng tạo tại địa phương (tổ chức hội thi sáng tạo, triển lãm, diễn đàn sáng kiến, tổng kết khen thưởng hoạt động sáng kiến...):

2. Nhận xét:

II. Phổ biến sáng kiến

1. Kết quả hoạt động:

Kết quả triển khai các hoạt động phổ biến sáng kiến tại địa phương (tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến, hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến từ kinh phí nhà nước, hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố, phổ biến, áp dụng sáng kiến...):

2. Nhận xét:

Nơi nhận:

.....

.....

Thủ trưởng
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục
SỐ LIỆU TỔNG HỢP
(Kèm theo Báo cáo số/.....ngày...../.../... của)

1. Sáng kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của Nhà nước:

TT	Đơn vị	Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến	Tổng số sáng kiến được công nhận	Tổng số sáng kiến đang áp dụng	Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng	Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến	Tổng số sáng kiến được chuyển giao	Tổng số tiền thu được đối với những sáng kiến được chuyển giao	Tổng số cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận	Lĩnh vực áp dụng
1										

2. Sáng kiến của các doanh nghiệp ngoài Nhà nước:

TT	Đơn vị	Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến	Tổng số sáng kiến được công nhận	Tổng số sáng kiến đang áp dụng	Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến - đang được áp dụng	Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến	Tổng số sáng kiến được chuyển giao	Tổng số tiền thu được đối với những sáng kiến được chuyển giao	Tổng số cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận	Lĩnh vực áp dụng ¹
1.										
2.										

3. Sáng kiến của các đối tượng khác (nông dân, học sinh, sinh viên, người lao động tự do,...):

- Tổng số giải pháp được đề nghị công nhận sáng kiến:

- Tổng số sáng kiến được công nhận:
- Tổng số sáng kiến đang được áp dụng:
- Tổng số tiền làm lợi của các sáng kiến đang được áp dụng:
- Tổng số tiền trả thù lao cho tác giả sáng kiến:
- Tổng số sáng kiến được chuyển giao:

4. Hoạt động chuyển giao sáng kiến

STT	Họ tên tác giả	Tên sáng kiến	Giá chuyển giao	Số lần chuyển giao	Thù lao trả cho tác giả
1					
2					

5. Cấp kinh phí nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến

STT	Họ tên tác giả	Tên sáng kiến	Kinh phí hỗ trợ của tư nhân	Kinh phí hỗ trợ của nhà nước	Dự kiến kết quả (Khả năng mang lại lợi ích của sáng kiến)
1					
2					

6. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

STT	Họ tên tác giả	Tên sáng kiến	Lý do hủy bỏ
1			
2			